|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU**  **TDTT HUYỆN BÌNH CHÁNH** | | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2018-2019**  **MÔN: TIN HỌC - KHỐI 11**  **ĐỀ CHÍNH THỨC THUTTTTH TH**  *Thời gian làm bài: 45 phút* | |
|  | | **Mã đề: 111** | |

1. ***PHẦN TRẮC NGHIỆM: (Học sinh làm bài bằng bút chì) (6 điểm)***

*Em hãy chọn phương án đúng theo các yêu cầu của các câu hỏi và tô kín các ô tròn tương ứng bằng bút chì vào trong bảng trả lời trắc nghiệm.*

**Câu 1:** Hàm **eoln** (<biến tệp>) trả về giá trị *true* nếu con trỏ tệp đang ở vị trí nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Đang ở đầu tệp | **B.** Đang chỉ tới cuối dòng |
| **C.** Đang chỉ tới cuối tệp | **D.** Đang ở đầu dòng |

**Câu 2:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn lệnh sau là gì?

M := 5; N:=10; T :=0;

**For** I := M **to** N **do** **If** (I mod 3 = 0) **then** T :=T + I;

Write(‘KQ: ’, T:3);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** KQ: 2 | **B.** KQ: 9 | **C.** KQ: 15 | **D.** KQ: 18 |

**Câu 3:** Muốn tham chiếu đến phần tử thứ 8 trong mảng A, ta viết theo cách nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** A(8) | **B.** A[8] | **C.** A{8} | **D.** A8 |

**Câu 4:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì? **For** i : = 7 **downto** 1 **do** write (i, ‘ ‘);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 654 | **B.** 7 6 5 4 3 2 1 | **C.** 7654321 | **D.** 34567 |

**Câu 5:** Thủ tục **insert (S1, S2, vt)** có ý nghĩa:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Chèn xâu S1 vào xâu S2, bắt đầu ở vị trí vt | **B.** Chèn xâu |
| **C.** Chèn xâu S2 vào xâu S1, bắt đầu ở vị trí vt | **D.** Xóa xâu S1, S2 bắt đầu từ vị trí vt. |

**Câu 6:** Cho biết giá trị của n sau khi thực hiện đoạn chương trình sau:

**S:= ‘mua he’;**

**n:= length(S); write(n);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 5 | **B.** ‘mua he’ | **C.** 6 | **D.** he |

**Câu 7:** Cách khai báo biến xâu nào sau đây là đúng?

|  |
| --- |
| **A. var** <các phần tử>**:** **string**; |
| **B. var** <tên biến> **=** **string**; |
| **C. var** <các phần tử>**:** **string**[độ dài lớn nhất của xâu]; |
| **D. var** <tên biến> **:** **string**[độ dài lớn nhất của xâu]; |

**Câu 8:** Tệp VD.txt rỗng đã được gắn vào biến tệp f; Giả sử các biến được sử dụng đã được khai báo, kết quả trong tệp VD.txt là gì nếu thực hiện các câu lệnh sau:

C:=7; D:=6; Write (f, C, ‘D’, ‘ ’, C+D);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 6C13 | **B.** fCD13 | **C.** 7D 13 | **D.** f7D 13 |

**Câu 9:** Cho mảng A gồm các phần tử: **1 3 6 2 5 0 4**  Cho biết giá trị của T sau khi chạy xong đoạn chương trình:

**T:=1; For i:=1 to 7 do**

**T:=T\*A[i]; write(T);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 0 | **B.** 42 | **C.** 1 | **D.** 22 |

**Câu 10:** Hai tệp VD1.txt và VD2.txt lần lượt được gắn vào 2 biến tệp là A, B. Để đóng 2 tệp trên ta thực hiện:

|  |
| --- |
| **A.** Close(A, B); |
| **B.** Close(A); Close(B); |
| **C.** Close(VD1.txt, VD2.txt); |
| **D.** Close(VD1.txt); Close(VD2.txt); |

**Câu 11:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, để khai báo cân nặng của các học sinh trong lớp học ta sử dụng mảng một chiều A, cách khai báo nào sau đây là đúng?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** var A: array[1**..**100] of char; | **B.** var A: array[1**..**100] of integer; |
| **C.** var A: array[1**..**100] of byte; | **D.** var A: array[1**..**100] of real; |

**Câu 12:** Đáp án nào sau đây là **đúng** khi nói về tệp?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Khi tắt máy dữ liệu tệp sẽ bị mất đi | **B.** Dung lượng dùng để lưu trữ kiểu tệp nhỏ. |
| **C.** Dữ liệu tệp được lưu trong Ram | **D.** Có thể lưu trữ để xử lý nhiều lần |

**Câu 13:** Thủ tục *mở tệp để ghi dữ liệu* có dạng nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. rewrite** (<tên tệp>); | **B. reset** (<biến tệp>); |
| **C. rewrite** (<biến tệp>); | **D. reset** (<biến tệp>, <tên tệp>); |

**Câu 14:** Đáp án nào **sai** khi nói về tên tệp trong thao tác gắn tên tệp?

|  |
| --- |
| **A.** Tên tệp là biến xâu hoặc hằng xâu. |
| **B.** Tên tệp phải được viết đầy đủ đường dẫn nếu có. |
| **C.** Tên tệp phải được đặt trong cặp dấu nháy đơn. |
| **D.** Tên tệp lúc nào cũng phải có phần mở rộng là .txt |

**Câu 15:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì?

M := 9; N:=6;

**While** M < > N **do** **if** M>N **then** M := M-N **else** N := N-M;

Write(M);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 9 | **B.** 3 | **C.** -3 | **D.** 6 |

**Câu 16:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì? **For** i : = 0 **to** 3 **do** write (i+2);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 0 1 2 3 | **B.** 2 3 4 5 | **C.** 3210 | **D.** 2345 |

**Câu 17:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, đoạn chương trình sau có ý nghĩa gì?

**dem:=0; For i:=1 to n do**

**If (a[i] < > 0) then dem:=dem+a[i]; write (dem);**

|  |
| --- |
| **A.** Tính tổng các phần tử chẵn của mảng |
| **B.** Đếm số lượng các phần tử của mảng |
| **C.** Tính tổng các phần tử của mảng có giá trị khác 0 |
| **D.** Đếm số lượng phần tử của mảng có giá trị khác 0 |

**Câu 18:** Hàm pos (S1, S2) có ý nghĩa:

|  |
| --- |
| **A.** Cho vị trí xuất hiện đầu tiên của xâu S1 trong xâu S2 |
| **B.** Xóa n kí tự trong xâu S |
| **C.** Tạo chữ cái in hoa |
| **D.** Xóa xâu S bắt đầu từ vị trí vt. |

**Câu 19:** Sự khác nhau **cơ bản** giữa hàm và thủ tục là:

|  |
| --- |
| **A.** Không có sự khác biệt. |
| **B.** Hàm dùng từ khóa Procedure, thủ tục dùng function. |
| **C.** Hàm trả về giá trị qua tên còn thủ tục thì không. |
| **D.** Hàm khác thủ tục ở phần khai báo. |

**Câu 20:** Cú pháp **đúng** của thủ tục đọc dữ liệu từ tệp là:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Read(<biến tệp>,<danh sách biến>); | **B.** Read(<tên tệp>,<danh sách biến>); |
| **C.** Write(<biến tệp>,<danh sách kết quả>); | **D.** Write(<tên tệp>,<danh sách biến>); |

**Câu 21:** Chọn phát biểu đúng. Xâu rỗng là**:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Xâu có độ dài bằng 0 | **B.** Xâu chứa một kí tự |
| **C.** Xâu chứa khoảng trắng | **D.** Không có loại xâu này |

**Câu 22:** Cho biết kết quả sau khi thực hiện xong đoạn chương trình sau:

**a:= ‘**jklmnop**’;**

**delete(a, 3, 4); write(a);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** jkp | **B.** xâu rỗng | **C.** jklmnop | **D.** lmno |

**Câu 23:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, để gắn tệp **dulieu.txt** cho biến tệp **f,** ta sử dụng câu lệnh nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** ‘dulieu’:= f; | **B.** assign (f, ‘dulieu**.**txt’); |
| **C.** f:= ‘dulieu**.**txt’; | **D.** assign (‘ dulieu**.**txt’, f); |

**Câu 24:** Các biến được khai báo để dùng riêng trong chương trình con được gọi là.......

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** tham số thực sự | **B.** tham số hình thức | **C.** biến toàn cục | **D.** biến cục bộ |

1. ***PHẦN TỰ LUẬN: (Học sinh làm bài bằng bút mực) (4 điểm)***

**Câu 25:** Viết chương trình nhập vào từ bàn phím một xâu kí tự S, thay thế tất cả cụm kí tự ‘hoc sinh’ bằng cụm kí tự ‘hs’.

----------- HẾT ----------

**Họ và tên học sinh:………………………….Số báo danh:……………..Lớp:……..**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU**  **TDTT HUYỆN BÌNH CHÁNH** | | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2018-2019**  **MÔN: TIN HỌC - KHỐI 11**  **ĐỀ CHÍNH THỨC THUTTTTH TH**  *Thời gian làm bài: 45 phút* | |
|  | | **Mã đề: 112** | |

1. ***PHẦN TRẮC NGHIỆM: (Học sinh làm bài bằng bút chì) (6 điểm)***

*Em hãy chọn phương án đúng theo các yêu cầu của các câu hỏi và tô kín các ô tròn tương ứng bằng bút chì vào trong bảng trả lời trắc nghiệm.*

**Câu 1:** Chọn phát biểu đúng. Xâu rỗng là**:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Xâu chứa một kí tự | **B.** Xâu có độ dài bằng 0 |
| **C.** Không có loại xâu này | **D.** Xâu chứa khoảng trắng |

**Câu 2:** Thủ tục **insert (S1, S2, vt)** có ý nghĩa:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Chèn xâu S1 vào xâu S2, bắt đầu ở vị trí vt | **B.** Xóa xâu S1, S2 bắt đầu từ vị trí vt. |
| **C.** Chèn xâu S2 vào xâu S1, bắt đầu ở vị trí vt | **D.** Chèn xâu |

**Câu 3:** Tệp VD.txt rỗng đã được gắn vào biến tệp f; Giả sử các biến được sử dụng đã được khai báo, kết quả trong tệp VD.txt là gì nếu thực hiện các câu lệnh sau:

C:=7; D:=6; Write (f, C, ‘D’, ‘ ’, C+D);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 7D 13 | **B.** 6C13 | **C.** fCD13 | **D.** f7D 13 |

**Câu 4:** Đáp án nào sau đây là **đúng** khi nói về tệp?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Khi tắt máy dữ liệu tệp sẽ bị mất đi | **B.** Có thể lưu trữ để xử lý nhiều lần |
| **C.** Dung lượng dùng để lưu trữ kiểu tệp nhỏ. | **D.** Dữ liệu tệp được lưu trong Ram |

**Câu 5:** Cách khai báo biến xâu nào sau đây là đúng?

|  |
| --- |
| **A. var** <tên biến> **=** **string**; |
| **B. var** <các phần tử>**:** **string**; |
| **C. var** <tên biến> **:** **string**[độ dài lớn nhất của xâu]; |
| **D. var** <các phần tử>**:** **string**[độ dài lớn nhất của xâu]; |

**Câu 6:** Đáp án nào **sai** khi nói về tên tệp trong thao tác gắn tên tệp?

|  |
| --- |
| **A.** Tên tệp là biến xâu hoặc hằng xâu. |
| **B.** Tên tệp phải được viết đầy đủ đường dẫn nếu có. |
| **C.** Tên tệp phải được đặt trong cặp dấu nháy đơn. |
| **D.** Tên tệp lúc nào cũng phải có phần mở rộng là .txt |

**Câu 7:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì? **For** i : = 0 **to** 3 **do** write (i+2);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 2 3 4 5 | **B.** 0 1 2 3 | **C.** 3210 | **D.** 2345 |

**Câu 8:** Thủ tục *mở tệp để ghi dữ liệu* có dạng nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. rewrite** (<tên tệp>); | **B. reset** (<biến tệp>); |
| **C. rewrite** (<biến tệp>); | **D. reset** (<biến tệp>, <tên tệp>); |

**Câu 9:** Cho mảng A gồm các phần tử: **1 3 6 2 5 0 4**  Cho biết giá trị của T sau khi chạy xong đoạn chương trình:

**T:=1; For i:=1 to 7 do**

**T:=T\*A[i]; write(T);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 42 | **B.** 22 | **C.** 1 | **D.** 0 |

**Câu 10:** Các biến được khai báo để dùng riêng trong chương trình con được gọi là.......

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** tham số hình thức | **B.** tham số thực sự | **C.** biến toàn cục | **D.** biến cục bộ |

**Câu 11:** Cho biết giá trị của n sau khi thực hiện đoạn chương trình sau:

**S:= ‘mua he’;**

**n:= length(S); write(n);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 5 | **B.** he | **C.** 6 | **D.** ‘mua he’ |

**Câu 12:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn lệnh sau là gì?

M := 5; N:=10; T :=0;

**For** I := M **to** N **do** **If** (I mod 3 = 0) **then** T :=T + I;

Write(‘KQ: ’, T:3);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** KQ: 15 | **B.** KQ: 2 | **C.** KQ: 18 | **D.** KQ: 9 |

**Câu 13:** Muốn tham chiếu đến phần tử thứ 8 trong mảng A, ta viết theo cách nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** A(8) | **B.** A{8} | **C.** A8 | **D.** A[8] |

**Câu 14:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì?

M := 9; N:=6;

**While** M < > N **do** **if** M>N **then** M := M-N **else** N := N-M;

Write(M);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 9 | **B.** 3 | **C.** -3 | **D.** 6 |

**Câu 15:** Cho biết kết quả sau khi thực hiện xong đoạn chương trình sau:

**a:= ‘**jklmnop**’;**

**delete(a, 3, 4); write(a);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** jkp | **B.** xâu rỗng | **C.** jklmnop | **D.** lmno |

**Câu 16:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, đoạn chương trình sau có ý nghĩa gì?

**dem:=0; For i:=1 to n do**

**If (a[i] < > 0) then dem:=dem+a[i]; write (dem);**

|  |
| --- |
| **A.** Tính tổng các phần tử chẵn của mảng |
| **B.** Đếm số lượng các phần tử của mảng |
| **C.** Tính tổng các phần tử của mảng có giá trị khác 0 |
| **D.** Đếm số lượng phần tử của mảng có giá trị khác 0 |

**Câu 17:** Hàm pos (S1, S2) có ý nghĩa:

|  |
| --- |
| **A.** Cho vị trí xuất hiện đầu tiên của xâu S1 trong xâu S2 |
| **B.** Xóa n kí tự trong xâu S |
| **C.** Tạo chữ cái in hoa |
| **D.** Xóa xâu S bắt đầu từ vị trí vt. |

**Câu 18:** Sự khác nhau **cơ bản** giữa hàm và thủ tục là:

|  |
| --- |
| **A.** Không có sự khác biệt. |
| **B.** Hàm dùng từ khóa Procedure, thủ tục dùng function. |
| **C.** Hàm trả về giá trị qua tên còn thủ tục thì không. |
| **D.** Hàm khác thủ tục ở phần khai báo. |

**Câu 19:** Cú pháp **đúng** của thủ tục đọc dữ liệu từ tệp là:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Read(<biến tệp>,<danh sách biến>); | **B.** Read(<tên tệp>,<danh sách biến>); |
| **C.** Write(<biến tệp>,<danh sách kết quả>); | **D.** Write(<tên tệp>,<danh sách biến>); |

**Câu 20:** Hai tệp VD1.txt và VD2.txt lần lượt được gắn vào 2 biến tệp là A, B. Để đóng 2 tệp trên ta thực hiện:

|  |
| --- |
| **A.** Close(VD1.txt); Close(VD2.txt); |
| **B.** Close(A); Close(B); |
| **C.** Close(VD1.txt, VD2.txt); |
| **D.** Close(A, B); |

**Câu 21:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, để khai báo cân nặng của các học sinh trong lớp học ta sử dụng mảng một chiều A, cách khai báo nào sau đây là đúng?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** var A: array[1**..**100] of char; | **B.** var A: array[1**..**100] of real; |
| **C.** var A: array[1**..**100] of byte; | **D.** var A: array[1**..**100] of integer; |

**Câu 22:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, để gắn tệp **dulieu.txt** cho biến tệp **f,** ta sử dụng câu lệnh nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** ‘dulieu’:= f; | **B.** assign (f, ‘dulieu**.**txt’); |
| **C.** f:= ‘dulieu**.**txt’; | **D.** assign (‘ dulieu**.**txt’, f); |

**Câu 23:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì? **For** i : = 7 **downto** 1 **do** write (i, ‘ ‘);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 654 | **B.** 34567 | **C.** 7654321 | **D.** 7 6 5 4 3 2 1 |

**Câu 24:** Hàm **eoln** (<biến tệp>) trả về giá trị *true* nếu con trỏ tệp đang ở vị trí nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Đang ở đầu tệp | **B.** Đang chỉ tới cuối tệp |
| **C.** Đang chỉ tới cuối dòng | **D.** Đang ở đầu dòng |

1. ***PHẦN TỰ LUẬN: (Học sinh làm bài bằng bút mực) (4 điểm)***

**Câu 25:** Viết chương trình nhập vào từ bàn phím một xâu kí tự S, thay thế tất cả cụm kí tự ‘hoc sinh’ bằng cụm kí tự ‘hs’.

----------- HẾT ----------

**Họ và tên học sinh:………………………….Số báo danh:……………..Lớp:……..**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU**  **TDTT HUYỆN BÌNH CHÁNH** | | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2018-2019**  **MÔN: TIN HỌC - KHỐI 11**  **ĐỀ CHÍNH THỨC THUTTTTH TH**  *Thời gian làm bài: 45 phút* | |
|  | | **Mã đề: 113** | |

1. ***PHẦN TRẮC NGHIỆM: (Học sinh làm bài bằng bút chì) (6 điểm)***

*Em hãy chọn phương án đúng theo các yêu cầu của các câu hỏi và tô kín các ô tròn tương ứng bằng bút chì vào trong bảng trả lời trắc nghiệm.*

**Câu 1:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì? **For** i : = 0 **to** 3 **do** write (i+2);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 2 3 4 5 | **B.** 2345 | **C.** 0 1 2 3 | **D.** 3210 |

**Câu 2:** Chọn phát biểu đúng. Xâu rỗng là**:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Xâu chứa khoảng trắng | **B.** Xâu chứa một kí tự |
| **C.** Không có loại xâu này | **D.** Xâu có độ dài bằng 0 |

**Câu 3:** Sự khác nhau **cơ bản** giữa hàm và thủ tục là:

|  |
| --- |
| **A.** Không có sự khác biệt. |
| **B.** Hàm khác thủ tục ở phần khai báo. |
| **C.** Hàm trả về giá trị qua tên còn thủ tục thì không. |
| **D.** Hàm dùng từ khóa Procedure, thủ tục dùng function. |

**Câu 4:** Đáp án nào sau đây là **đúng** khi nói về tệp?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Khi tắt máy dữ liệu tệp sẽ bị mất đi | **B.** Dung lượng dùng để lưu trữ kiểu tệp nhỏ. |
| **C.** Có thể lưu trữ để xử lý nhiều lần | **D.** Dữ liệu tệp được lưu trong Ram |

**Câu 5:** Cho biết kết quả sau khi thực hiện xong đoạn chương trình sau:

**a:= ‘**jklmnop**’;**

**delete(a, 3, 4); write(a);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** jkp | **B.** lmno | **C.** jklmnop | **D.** xâu rỗng |

**Câu 6:** Hàm pos (S1, S2) có ý nghĩa:

|  |
| --- |
| **A.** Cho vị trí xuất hiện đầu tiên của xâu S1 trong xâu S2 |
| **B.** Xóa xâu S bắt đầu từ vị trí vt. |
| **C.** Xóa n kí tự trong xâu S |
| **D.** Tạo chữ cái in hoa |

**Câu 7:** Thủ tục *mở tệp để ghi dữ liệu* có dạng nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. rewrite** (<tên tệp>); | **B. reset** (<biến tệp>); |
| **C. rewrite** (<biến tệp>); | **D. reset** (<biến tệp>, <tên tệp>); |

**Câu 8:** Cho mảng A gồm các phần tử: **1 3 6 2 5 0 4**  Cho biết giá trị của T sau khi chạy xong đoạn chương trình:

**T:=1; For i:=1 to 7 do**

**T:=T\*A[i]; write(T);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 42 | **B.** 22 | **C.** 1 | **D.** 0 |

**Câu 9:** Cho biết giá trị của n sau khi thực hiện đoạn chương trình sau:

**S:= ‘mua he’;**

**n:= length(S); write(n);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** ‘mua he’ | **B.** 6 | **C.** he | **D.** 5 |

**Câu 10:** Cú pháp **đúng** của thủ tục đọc dữ liệu từ tệp là:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Read(<biến tệp>,<danh sách biến>); | **B.** Read(<tên tệp>,<danh sách biến>); |
| **C.** Write(<biến tệp>,<danh sách kết quả>); | **D.** Write(<tên tệp>,<danh sách biến>); |

**Câu 11:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn lệnh sau là gì?

M := 5; N:=10; T :=0;

**For** I := M **to** N **do** **If** (I mod 3 = 0) **then** T :=T + I;

Write(‘KQ: ’, T:3);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** KQ: 15 | **B.** KQ: 2 | **C.** KQ: 18 | **D.** KQ: 9 |

**Câu 12:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì? **For** i : = 7 **downto** 1 **do** write (i, ‘ ‘);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 654 | **B.** 34567 | **C.** 7654321 | **D.** 7 6 5 4 3 2 1 |

**Câu 13:** Thủ tục **insert (S1, S2, vt)** có ý nghĩa:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Chèn xâu S1 vào xâu S2, bắt đầu ở vị trí vt | **B.** Xóa xâu S1, S2 bắt đầu từ vị trí vt. |
| **C.** Chèn xâu | **D.** Chèn xâu S2 vào xâu S1, bắt đầu ở vị trí vt |

**Câu 14:** Đáp án nào **sai** khi nói về tên tệp trong thao tác gắn tên tệp?

|  |
| --- |
| **A.** Tên tệp phải được viết đầy đủ đường dẫn nếu có. |
| **B.** Tên tệp lúc nào cũng phải có phần mở rộng là .txt |
| **C.** Tên tệp phải được đặt trong cặp dấu nháy đơn. |
| **D.** Tên tệp là biến xâu hoặc hằng xâu. |

**Câu 15:** Các biến được khai báo để dùng riêng trong chương trình con được gọi là.......

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** biến cục bộ | **B.** tham số thực sự | **C.** biến toàn cục | **D.** tham số hình thức |

**Câu 16:** Hai tệp VD1.txt và VD2.txt lần lượt được gắn vào 2 biến tệp là A, B. Để đóng 2 tệp trên ta thực hiện:

|  |
| --- |
| **A.** Close(VD1.txt); Close(VD2.txt); |
| **B.** Close(A, B); |
| **C.** Close(VD1.txt, VD2.txt); |
| **D.** Close(A); Close(B); |

**Câu 17:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì?

M := 9; N:=6;

**While** M < > N **do** **if** M>N **then** M := M-N **else** N := N-M;

Write(M);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 9 | **B.** 3 | **C.** 6 | **D.** -3 |

**Câu 18:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, để khai báo cân nặng của các học sinh trong lớp học ta sử dụng mảng một chiều A, cách khai báo nào sau đây là đúng?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** var A: array[1**..**100] of char; | **B.** var A: array[1**..**100] of real; |
| **C.** var A: array[1**..**100] of byte; | **D.** var A: array[1**..**100] of integer; |

**Câu 19:** Cách khai báo biến xâu nào sau đây là đúng?

|  |
| --- |
| **A. var** <các phần tử>**:** **string**[độ dài lớn nhất của xâu]; |
| **B. var** <tên biến> **=** **string**; |
| **C. var** <các phần tử>**:** **string**; |
| **D. var** <tên biến> **:** **string**[độ dài lớn nhất của xâu]; |

**Câu 20:** Tệp VD.txt rỗng đã được gắn vào biến tệp f; Giả sử các biến được sử dụng đã được khai báo, kết quả trong tệp VD.txt là gì nếu thực hiện các câu lệnh sau:

C:=7; D:=6; Write (f, C, ‘D’, ‘ ’, C+D);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** f7D 13 | **B.** 6C13 | **C.** 7D 13 | **D.** fCD13 |

**Câu 21:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, để gắn tệp **dulieu.txt** cho biến tệp **f,** ta sử dụng câu lệnh nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** ‘dulieu’:= f; | **B.** assign (f, ‘dulieu**.**txt’); |
| **C.** f:= ‘dulieu**.**txt’; | **D.** assign (‘ dulieu**.**txt’, f); |

**Câu 22:** Hàm **eoln** (<biến tệp>) trả về giá trị *true* nếu con trỏ tệp đang ở vị trí nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Đang ở đầu tệp | **B.** Đang chỉ tới cuối tệp |
| **C.** Đang chỉ tới cuối dòng | **D.** Đang ở đầu dòng |

**Câu 23:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, đoạn chương trình sau có ý nghĩa gì?

**dem:=0; For i:=1 to n do**

**If (a[i] < > 0) then dem:=dem+a[i]; write (dem);**

|  |
| --- |
| **A.** Tính tổng các phần tử chẵn của mảng |
| **B.** Đếm số lượng các phần tử của mảng |
| **C.** Tính tổng các phần tử của mảng có giá trị khác 0 |
| **D.** Đếm số lượng phần tử của mảng có giá trị khác 0 |

**Câu 24:** Muốn tham chiếu đến phần tử thứ 8 trong mảng A, ta viết theo cách nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** A{8} | **B.** A(8) | **C.** A8 | **D.** A[8] |

-----------------------------------------------

1. ***PHẦN TỰ LUẬN: (Học sinh làm bài bằng bút mực) (4 điểm)***

**Câu 25:** Viết chương trình nhập vào từ bàn phím một xâu kí tự S, thay thế tất cả cụm kí tự ‘hoc sinh’ bằng cụm kí tự ‘hs’.

----------- HẾT ----------

**Họ và tên học sinh:………………………….Số báo danh:……………..Lớp:……..**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU**  **TDTT HUYỆN BÌNH CHÁNH** | | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2018-2019**  **MÔN: TIN HỌC - KHỐI 11**  **ĐỀ CHÍNH THỨC THUTTTTH TH**  *Thời gian làm bài: 45 phút* | |
|  | | **Mã đề: 114** | |

1. ***PHẦN TRẮC NGHIỆM: (Học sinh làm bài bằng bút chì) (6 điểm)***

*Em hãy chọn phương án đúng theo các yêu cầu của các câu hỏi và tô kín các ô tròn tương ứng bằng bút chì vào trong bảng trả lời trắc nghiệm.*

**Câu 1:** Hàm pos (S1, S2) có ý nghĩa:

|  |
| --- |
| **A.** Cho vị trí xuất hiện đầu tiên của xâu S1 trong xâu S2 |
| **B.** Xóa xâu S bắt đầu từ vị trí vt. |
| **C.** Xóa n kí tự trong xâu S |
| **D.** Tạo chữ cái in hoa |

**Câu 2:** Cách khai báo biến xâu nào sau đây là đúng?

|  |
| --- |
| **A. var** <các phần tử>**:** **string**[độ dài lớn nhất của xâu]; |
| **B. var** <tên biến> **=** **string**; |
| **C. var** <các phần tử>**:** **string**; |
| **D. var** <tên biến> **:** **string**[độ dài lớn nhất của xâu]; |

**Câu 3:** Muốn tham chiếu đến phần tử thứ 8 trong mảng A, ta viết theo cách nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** A8 | **B.** A{8} | **C.** A(8) | **D.** A[8] |

**Câu 4:** Đáp án nào sau đây là **đúng** khi nói về tệp?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Khi tắt máy dữ liệu tệp sẽ bị mất đi | **B.** Dung lượng dùng để lưu trữ kiểu tệp nhỏ. |
| **C.** Dữ liệu tệp được lưu trong Ram | **D.** Có thể lưu trữ để xử lý nhiều lần |

**Câu 5:** Các biến được khai báo để dùng riêng trong chương trình con được gọi là.......

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** biến cục bộ | **B.** tham số thực sự | **C.** biến toàn cục | **D.** tham số hình thức |

**Câu 6:** Cho mảng A gồm các phần tử: **1 3 6 2 5 0 4**  Cho biết giá trị của T sau khi chạy xong đoạn chương trình:

**T:=1; For i:=1 to 7 do**

**T:=T\*A[i]; write(T);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 1 | **B.** 0 | **C.** 22 | **D.** 42 |

**Câu 7:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, đoạn chương trình sau có ý nghĩa gì?

**dem:=0; For i:=1 to n do**

**If (a[i] < > 0) then dem:=dem+a[i]; write (dem);**

|  |
| --- |
| **A.** Tính tổng các phần tử chẵn của mảng |
| **B.** Đếm số lượng các phần tử của mảng |
| **C.** Tính tổng các phần tử của mảng có giá trị khác 0 |
| **D.** Đếm số lượng phần tử của mảng có giá trị khác 0 |

**Câu 8:** Cho biết giá trị của n sau khi thực hiện đoạn chương trình sau:

**S:= ‘mua he’;**

**n:= length(S); write(n);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 6 | **B.** 5 | **C.** he | **D.** ‘mua he’ |

**Câu 9:** Cú pháp **đúng** của thủ tục đọc dữ liệu từ tệp là:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Write(<biến tệp>,<danh sách kết quả>); | **B.** Read(<tên tệp>,<danh sách biến>); |
| **C.** Write(<tên tệp>,<danh sách biến>); | **D.** Read(<biến tệp>,<danh sách biến>); |

**Câu 10:** Chọn phát biểu đúng. Xâu rỗng là**:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Xâu chứa khoảng trắng | **B.** Xâu chứa một kí tự |
| **C.** Xâu có độ dài bằng 0 | **D.** Không có loại xâu này |

**Câu 11:** Hàm **eoln** (<biến tệp>) trả về giá trị *true* nếu con trỏ tệp đang ở vị trí nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Đang ở đầu tệp | **B.** Đang chỉ tới cuối tệp |
| **C.** Đang chỉ tới cuối dòng | **D.** Đang ở đầu dòng |

**Câu 12:** Sự khác nhau **cơ bản** giữa hàm và thủ tục là:

|  |
| --- |
| **A.** Không có sự khác biệt. |
| **B.** Hàm khác thủ tục ở phần khai báo. |
| **C.** Hàm trả về giá trị qua tên còn thủ tục thì không. |
| **D.** Hàm dùng từ khóa Procedure, thủ tục dùng function. |

**Câu 13:** Thủ tục **insert (S1, S2, vt)** có ý nghĩa:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Chèn xâu S1 vào xâu S2, bắt đầu ở vị trí vt | **B.** Xóa xâu S1, S2 bắt đầu từ vị trí vt. |
| **C.** Chèn xâu | **D.** Chèn xâu S2 vào xâu S1, bắt đầu ở vị trí vt |

**Câu 14:** Cho biết kết quả sau khi thực hiện xong đoạn chương trình sau:

**a:= ‘**jklmnop**’;**

**delete(a, 3, 4); write(a);**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** jkp | **B.** xâu rỗng | **C.** jklmnop | **D.** lmno |

**Câu 15:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì? **For** i : = 7 **downto** 1 **do** write (i, ‘ ‘);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 7654321 | **B.** 7 6 5 4 3 2 1 | **C.** 654 | **D.** 34567 |

**Câu 16:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì?

M := 9; N:=6;

**While** M < > N **do** **if** M>N **then** M := M-N **else** N := N-M;

Write(M);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 9 | **B.** 3 | **C.** 6 | **D.** -3 |

**Câu 17:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, để khai báo cân nặng của các học sinh trong lớp học ta sử dụng mảng một chiều A, cách khai báo nào sau đây là đúng?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** var A: array[1**..**100] of char; | **B.** var A: array[1**..**100] of integer; |
| **C.** var A: array[1**..**100] of byte; | **D.** var A: array[1**..**100] of real; |

**Câu 18:** Tệp VD.txt rỗng đã được gắn vào biến tệp f; Giả sử các biến được sử dụng đã được khai báo, kết quả trong tệp VD.txt là gì nếu thực hiện các câu lệnh sau:

C:=7; D:=6; Write (f, C, ‘D’, ‘ ’, C+D);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** f7D 13 | **B.** 6C13 | **C.** 7D 13 | **D.** fCD13 |

**Câu 19:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì? **For** i : = 0 **to** 3 **do** write (i+2);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 0 1 2 3 | **B.** 3210 | **C.** 2345 | **D.** 2 3 4 5 |

**Câu 20:** Trong ngôn ngữ lập trình Pascal, để gắn tệp **dulieu.txt** cho biến tệp **f,** ta sử dụng câu lệnh nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** ‘dulieu’:= f; | **B.** assign (f, ‘dulieu**.**txt’); |
| **C.** f:= ‘dulieu**.**txt’; | **D.** assign (‘ dulieu**.**txt’, f); |

**Câu 21:** Giả sử các biến sử dụng đã được khai báo. Kết quả in ra màn hình sau khi thực hiện đoạn lệnh sau là gì?

M := 5; N:=10; T :=0;

**For** I := M **to** N **do** **If** (I mod 3 = 0) **then** T :=T + I;

Write(‘KQ: ’, T:3);

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** KQ: 2 | **B.** KQ: 15 | **C.** KQ: 18 | **D.** KQ: 9 |

**Câu 22:** Thủ tục *mở tệp để ghi dữ liệu* có dạng nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. rewrite** (<tên tệp>); | **B. rewrite** (<biến tệp>); |
| **C. reset** (<biến tệp>); | **D. reset** (<biến tệp>, <tên tệp>); |

**Câu 23:** Hai tệp VD1.txt và VD2.txt lần lượt được gắn vào 2 biến tệp là A, B. Để đóng 2 tệp trên ta thực hiện:

|  |
| --- |
| **A.** Close(VD1.txt); Close(VD2.txt); |
| **B.** Close(A, B); |
| **C.** Close(VD1.txt, VD2.txt); |
| **D.** Close(A); Close(B); |

**Câu 24:** Đáp án nào **sai** khi nói về tên tệp trong thao tác gắn tên tệp?

|  |
| --- |
| **A.** Tên tệp lúc nào cũng phải có phần mở rộng là .txt |
| **B.** Tên tệp phải được viết đầy đủ đường dẫn nếu có. |
| **C.** Tên tệp là biến xâu hoặc hằng xâu. |
| **D.** Tên tệp phải được đặt trong cặp dấu nháy đơn. |

-----------------------------------------------

1. ***PHẦN TỰ LUẬN: (Học sinh làm bài bằng bút mực) (4 điểm)***

**Câu 25:** Viết chương trình nhập vào từ bàn phím một xâu kí tự S, thay thế tất cả cụm kí tự ‘hoc sinh’ bằng cụm kí tự ‘hs’.

----------- HẾT ----------

**Họ và tên học sinh:………………………….Số báo danh:……………..Lớp:……..**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH

**TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC**

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II - MÔN TIN HỌC 11**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

***A. PHẦN TRẮC NGHIỆM:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 111 | 1 | B | 112 | 1 | B | 113 | 1 | B | 114 | 1 | A |
| 111 | 2 | C | 112 | 2 | A | 113 | 2 | D | 114 | 2 | D |
| 111 | 3 | B | 112 | 3 | A | 113 | 3 | C | 114 | 3 | D |
| 111 | 4 | B | 112 | 4 | B | 113 | 4 | C | 114 | 4 | D |
| 111 | 5 | A | 112 | 5 | C | 113 | 5 | A | 114 | 5 | A |
| 111 | 6 | C | 112 | 6 | D | 113 | 6 | A | 114 | 6 | B |
| 111 | 7 | D | 112 | 7 | D | 113 | 7 | C | 114 | 7 | C |
| 111 | 8 | C | 112 | 8 | C | 113 | 8 | D | 114 | 8 | A |
| 111 | 9 | A | 112 | 9 | D | 113 | 9 | B | 114 | 9 | D |
| 111 | 10 | B | 112 | 10 | D | 113 | 10 | A | 114 | 10 | C |
| 111 | 11 | D | 112 | 11 | C | 113 | 11 | A | 114 | 11 | C |
| 111 | 12 | D | 112 | 12 | A | 113 | 12 | D | 114 | 12 | C |
| 111 | 13 | C | 112 | 13 | D | 113 | 13 | A | 114 | 13 | A |
| 111 | 14 | D | 112 | 14 | B | 113 | 14 | B | 114 | 14 | A |
| 111 | 15 | B | 112 | 15 | A | 113 | 15 | A | 114 | 15 | B |
| 111 | 16 | D | 112 | 16 | C | 113 | 16 | D | 114 | 16 | B |
| 111 | 17 | C | 112 | 17 | A | 113 | 17 | B | 114 | 17 | D |
| 111 | 18 | A | 112 | 18 | C | 113 | 18 | B | 114 | 18 | C |
| 111 | 19 | C | 112 | 19 | A | 113 | 19 | D | 114 | 19 | C |
| 111 | 20 | A | 112 | 20 | B | 113 | 20 | C | 114 | 20 | B |
| 111 | 21 | A | 112 | 21 | B | 113 | 21 | B | 114 | 21 | B |
| 111 | 22 | A | 112 | 22 | B | 113 | 22 | C | 114 | 22 | B |
| 111 | 23 | B | 112 | 23 | D | 113 | 23 | C | 114 | 23 | D |
| 111 | 24 | D | 112 | 24 | C | 113 | 24 | D | 114 | 24 | A |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***B. PHẦN TỰ LUẬN:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | Program thaythe;  Var vt: byte; S: string;  Begin  Write (‘nhap vao xau S:’);  Readln (S);  While pos (‘hoc sinh’, S) < > 0 do  Begin  Vt:= pos (‘hoc sinh’, S);  Delete (S, vt, 8);  Insert (‘hs’, S, vt);  End;  Write (S);  Readln  End.  Hoàn chỉnh chương trình, không sai sót | 0,25  0,5  0,25  0,25  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,25 |

**---HẾT---**